

Bản án số: **82/2024/DS - ST**
Ngày: 29 - 7 - 2024.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đoạt

Bà Phạm Hồng Gái

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang: Thuộc trường hợp, đại diện Viện kiểm sát không tham gia.

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 31/2024/TLST - DS ngày 18 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2024/QĐXXST- DS ngày 25 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2024/QĐST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần K.

Địa chỉ: Số D đường P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Trọng T. Chức vụ: Nhân viên xử lý nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần K (có mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy T1, sinh năm: 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K trình bày:

Ngân hàng TMCP K cho chị Nguyễn Thị Thùy T1 vay số tiền 20.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số TH1229 ngày 10/7/2010, cụ thể: Số tiền vay 20.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng và sửa chữa nhỏ; ngày giải ngân 13/7/2010, thời hạn vay 12 tháng, ngày đến hạn 13/7/2011, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm nợ quá hạn. Lãi phạt chậm trả 0,1%/ngày trên số tiền chậm trả và số ngày chậm trả. Hình thức thanh toán gốc và lãi hàng tháng. Trong quá trình vay, chị T1 chưa thanh toán bất cứ khoản gốc và lãi nào, số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 30/9/2023 là 84.760.266 đồng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị T1 phải trả số tiền gốc và lãi 84.760.266 đồng, trong đó gốc 20.000.000 đồng, tổng cộng 60.760.266 đồng và tiền lãi phát sinh theo thoả thuận trong hợp đồng tín dụng số TH1229/HDTD ngày 10/7/2010, kể từ ngày 01/10/2023 cho đến ngày thanh toán dứt nợ; đồng thời, buộc bà Nguyễn Thị Thùy T1 phải chịu gốc tiền án phí và các khoản chi phí tố tụng.

2. Bị đơn chị Nguyễn Thị Thùy T1 trình bày ý kiến:

Tòa án đã thực hiện thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng (như: thông báo thụ lý, thông báo thời gian mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án và quyết định hoãn phiên tòa) trực tiếp cho bị đơn chị Nguyễn Thị Thùy T1 nhưng bị đơn chị Nguyễn Thị Thùy T1 không có mặt và không có văn bản trình bày ý kiến theo yêu cầu của Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn chị Nguyễn Thị Thùy T1 vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do nên không có trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn chị Nguyễn Thị Thùy T1 không có yêu cầu phản tố. Chị Nguyễn Thị Thùy T1 đã được Tòa án tổng đạt lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, không có lý do nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị Thùy T1.

[2]. *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K về việc yêu cầu bị đơn chị Nguyễn Thị Thùy T1 phải thanh toán nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số TH1229/HDTD ngày 10/7/2010 nên quan hệ tranh chấp của vụ kiện được xác định đây tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do bị đơn chị Nguyễn Thị Thùy T1 có địa chỉ cư trú tại xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

[3]. *Về nội dung vụ án*:

[3.1]. *Xét về Hợp đồng tín dụng*: Ngày 10/7/2010, chị Nguyễn Thị Thùy T1 đã ký Hợp đồng tín dụng số TH1229/HDTD với Ngân hàng thương mại cổ phần K để vay số tiền gốc 20.000.000 đồng, mục đích vay hợp đồng tín chấp để tiêu dùng và sửa chữa nhà. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày bên chị T1 ký nhận nợ (ngày 10/7/2010), lãi suất trong hạn là 1,1%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả.

Tại Hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị giải ngân kiêm kế ước nhận nợ cùng ngày 10/7/2010 thể hiện chị Nguyễn Thị Thùy T1 đã trực tiếp ký và nhận tiền vay của Ngân hàng TMCP K.

Bên cạnh đó, theo tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ cũng như lời khai của đại diện Ngân hàng thể hiện: Kể từ ngày nhận tiền vay ngày 10/7/2010 đến ngày Ngân hàng khởi kiện, chị T1 không thanh toán cho Ngân hàng bất cứ khoản tiền gốc và lãi nào mặc dù đã được Ngân hàng nhiều lần thông báo nợ cho chị Nguyễn Thị Thùy T1. Do đó, đối chiếu theo Hợp đồng tín dụng ngày 10/7/2010 thì số tiền

gốc và lãi mà chị Nguyễn Thị Thùy T1 vay của Ngân hàng TMCP K đã quá hạn thanh toán.

Do chị Nguyễn Thị Thùy T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán mà các bên đã thỏa thuận nên Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Thùy T1 phải thanh toán gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số TH1229/HDTD ngày 10/7/2010 đến thời điểm xét xử (ngày 29/7/2024) với số tiền gốc và lãi là 82.962.299; đồng thời, Ngân hàng yêu cầu được tiếp tục tính lãi từ ngày 30/7/2024 cho đến khi thanh toán toàn bộ số nợ cho Ngân hàng TMCP K là có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[4]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 227, 228, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 305, Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Áp dụng Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn chị Nguyễn Thị Thùy T1.

2. Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Thùy T1 phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 29/7/2024 là 54.246.684 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 82.962.299 đồng (*bằng chữ: tám mươi hai triệu, chín trăm sáu mươi hai nghìn, hai trăm chín mươi chín đồng*).

3. Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Thùy T1 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng TH1229/HDTD ngày 10/7/2010, tính từ ngày 30 tháng 7 năm 2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc chị Nguyễn Thị Thùy T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là $82.962.299 \text{ đồng} \times 5\% = 4.148.000 \text{ đồng}$ (bằng chữ: bốn triệu một trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

- Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K không phải chịu án phí, hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền tạm ứng án phí là 2.119.000 đ (bằng chữ: hai triệu một trăm mười chín nghìn đồng) mà Ngân hàng TMCP K đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004022 ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP K được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, riêng chị Nguyễn Thị Thùy T1 vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tú Quỳnh

